TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNPHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 43/2021/DS-ST
Ngày: 15 – 6 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dương Thị Tú Phương**

2. Ông **Nguyễn Văn Phúc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP K**

Địa chỉ: 40-42-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Tuấn A**. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Hùng H**. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh B – Phòng giao dịch P.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Hùng H: Anh **Võ Tấn Đ**, sinh năm 1987. Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh B – Phòng giao dịch P; Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn:

2.1. Anh **Nguyễn Hồng P**, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp Ph, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

2.2. Chị **Nguyễn Thị X,** sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp Ph, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Võ Tấn Đ trình bày:*

Vào ngày 09/01/2019, anh Nguyễn Hồng P và chị Nguyễn Thị X có ký Hợp đồng tín dụng số 3003/19/HĐTD/0203-6625 với Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch P để vay số tiền 400.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn nuôi heo, nuôi bò, lãi suất trong hạn là 11,5%/năm (lãi suất cho vay được điều chỉnh ba tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng với biên độ 3,8%/năm, lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành của biểu lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất lãi chậm trả 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Thỏa thuận nợ gốc trả cuối kỳ vào ngày 10/01/2020, lãi trả vào ngày 10 hàng quý, khi đến kỳ hạn trả lãi nếu không trả đầy đủ và đúng hạn thì sẽ thu thêm số tiền phạt chậm trả lãi bằng 10%/năm trên số tiền lãi chậm trả.

Để đảm bảo nghĩa vụ cho hợp đồng tín dụng nêu trên, anh P và chị X đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3003/19/HĐTC-BĐS/0203 ngày 09/01/2019 với Ngân hàng TMCP K để thế chấp quyền sử dụng đất phần đất diện tích 119,9m^2 đất ở tại nông thôn thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 57, tọa lạc ấp Ph, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do anh Nguyễn Hồng P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 113921 do Uỷ ban nhân dân huyện Phước Long cấp ngày 18/12/2014. Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực và đăng ký thế chấp vào ngày 09/01/2019.

Ngân hàng TMCP K đã giải ngân cho anh P và chị X nhận bằng hình thức nhận tiền vào ngày 10/01/2019. Từ khi vay đến nay thì anh P và chị X đã thanh toán được tiền lãi 34.733.773 đồng cho Ngân hàng TMCP K, không thanh toán tiền gốc. Do hợp đồng đã đến hạn thanh toán nhưng anh P và chị X không thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng thường X đôn đốc và tạo điều kiện để anh P và chị X trả nợ, tuy nhiên anh P và chị X vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản tại Hợp đồng cho vay đã ký.

Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Hồng P và chị Nguyễn Thị X phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 15/6/2021 là 511.932.148 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 11.594.521 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 1.658.175 đồng, tiền lãi quá hạn là 98.679.452 đồng). Đồng thời kể từ ngày 16/6/2021, anh P và chị X phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng. Trường hợp anh P và chị X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Ngoài ra Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ bị đơn anh Nguyễn Hồng P trình bày:*

Anh thừa nhận anh và chị X có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP K và hiện còn nợ Ngân hàng TMCP K số tiền gốc và tiền lãi như Ngân hàng yêu cầu là đúng. Anh đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng nhưng hiện nay anh không có khả năng thanh toán một lần cho Ngân hàng nên xin cho anh đáo hạn lại để không phải đóng lãi quá hạn, anh đang kêu bán nhà, khi bán được nhà anh sẽ thanh toán toàn bộ số nợ cho ngân hàng. Trường hợp anh không thanh toán được nợ cho Ngân hàng mà Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thì anh đồng ý, không có ý kiến gì khác. Anh xác định anh và chị X đã ly hôn vào tháng 7/2020 do Tòa án nhân dân huyện Phước Long giải quyết.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K. Buộc anh P và chị X mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 15/6/2021 tổng số tiền gốc và lãi là 255.966.074 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/6/2021 cho đến khi trả dứt nợ. Trường hợp anh P và chị X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 36, tờ bản đồ số 57 toạ lạc ấp Ph, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu với diện tích 119,9m^2 đất ở tại nông thôn cùng với căn nhà để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Hồng P và chị Nguyễn Thị X trả số tiền vay còn nợ, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, anh P và chị X đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh P và chị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh Đ, anh P và chị X là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 09/01/2019 của anh P và chị X, Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh B - Phòng giao dịch P đã ký Hợp đồng tín dụng số 3003/19/HĐTD/0203-6625 với Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch P để vay số tiền 400.000.000 đồng với mục đích bổ

sung vốn nuôi heo, nuôi bò, lãi suất trong hạn là 11,5%/năm (lãi suất cho vay được điều chỉnh ba tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng với biên độ 3,8%/năm, lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành của biểu lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất lãi chậm trả 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Thỏa thuận nợ gốc trả cuối kỳ vào ngày 10/01/2020, lãi trả vào ngày 10 hàng quý, khi đến kỳ hạn trả lãi nếu không trả đầy đủ và đúng hạn thì sẽ thu thêm số tiền phạt chậm trả lãi bằng 10%/năm trên số tiền lãi chậm trả. Ngân hàng TMCP K đã giải ngân cho anh P và chị X bằng hình thức nhận tiền vào ngày 10/01/2019. Anh P và chị X đã được Tòa án thông báo về việc Ngân hàng khởi kiện anh P thừa nhận và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng, chị X không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, từ đó cho thấy chị X thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng anh P và chị X đã không thực hiện đúng việc thanh toán số tiền gốc và lãi cho phía ngân hàng theo như các bên đã thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Vì vậy, anh P và chị X đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu anh P và chị X thanh toán toàn bộ số tiền vốn gốc và tiền lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, yêu cầu này của Ngân hàng TMCP K được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét thấy, anh P và chị X thực hiện thủ tục vay vốn tại Ngân hàng vào ngày 09/01/2019. Năm 2020, anh P và chị X ly hôn và đã được Tòa án nhân dân huyện Phước Long giải quyết tại Bản án số 19/2020/HNGĐ-ST ngày 28/7/2020 có nội dung "Về tài sản chung và nợ: Anh P và chị X không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này". Giao dịch vay tài sản do anh P và chị X cùng nhau thỏa thuận xác lập với Ngân hàng trong thời kỳ hôn nhân; do đó, anh P và chị X cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp. Do đó, anh P và chị X mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số nợ Ngân hàng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K: Buộc anh P và chị X mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc 200.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 15/6/2021 là 55.966.074 (trong đó tiền lãi trong hạn là 5.797.260,5 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 829.087,5 đồng, tiền lãi quá hạn là 49.339.726 đồng), tổng cộng là 255.966.074 đồng. Đồng thời kể từ ngày 16/6/2021, anh P và chị X phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

[6] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 57, tọa lạc ấp Ph, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do anh Nguyễn Hồng P đứng tên giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số BV 113921 do Uỷ ban nhân dân huyện Phước Long cấp ngày 18/12/2014 (được xác nhận thay đổi ngày 09/01/2015). Ngân hàng TMCP K cùng anh P và chị X đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 09/01/2019 dùng thửa đất nêu trên để đảm bảo khoản vay cho anh P và chị X. Việc thế chấp này có chứng thực và đăng ký thế chấp hợp pháp theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp anh P và chị X không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận: Trong trường hợp anh Nguyễn Hồng P và chị Nguyễn Thị X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 36, tờ bản đồ số 57, diện tích 119,9m^2 đất ở tại nông thôn tọa lạc ấp Ph, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do anh Nguyễn Hồng P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 113921 do Uỷ ban nhân dân huyện Phước Long cấp ngày 18/12/2014 (được xác nhận thay đổi ngày 09/01/2015) và căn nhà gắn liền với đất do anh P đang quản lý sử dụng, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3003/19/HĐTC-BĐS/0203 ngày 09/01/2019 để thu hồi nợ.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng, anh P và chị X phải chịu. Ngân hàng TMCP K đã dự nộp số tiền 3.000.000 đồng theo Phiếu thu số 46/2021/TB-TĐ ngày 15/3/2021, đã chi số tiền 800.000 đồng, Ngân hàng TMCP K được nhận lại số tiền 2.200.000 đồng. Buộc anh P và chị X mỗi người phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền 400.000 đồng.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh P và chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 299, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với anh Nguyễn Hồng P và chị Nguyễn Thị X.

Buộc anh Nguyễn Hồng P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/6/2021 là 55.966.074, tổng cộng là 255.966.074 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng).

Buộc chị Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/6/2021 là 55.966.074, tổng cộng là 255.966.074 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 16/6/2021 anh Nguyễn Hồng P và chị Nguyễn Thị X còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K.

2. Trong trường hợp anh Nguyễn Hồng P và chị Nguyễn Thị X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 36, tờ bản đồ số 57, diện tích 119,9m^2 đất ở tại nông thôn tọa lạc ấp Ph, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do anh Nguyễn Hồng P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 113921 do Uỷ ban nhân dân huyện Phước Long cấp ngày 18/12/2014 (được xác nhận thay đổi ngày 09/01/2015) và căn nhà gắn liền với đất do anh Nguyễn Hồng P đang quản lý sử dụng, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3003/19/HĐTC-BĐS/0203 ngày 09/01/2019 để thu hồi nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Nguyễn Hồng P phải chịu 400.000 đồng và chị Nguyễn Thị X phải chịu 400.000 đồng. Ngân hàng TMCP K đã dự nộp số tiền 3.000.000 đồng theo Phiếu thu số 46/2021/TB-TĐ ngày 15/3/2021, đã chi số tiền 800.000 đồng, Ngân hàng TMCP K được nhận lại số tiền 2.200.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long. Buộc anh Nguyễn Hồng P có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền 400.000 đồng và buộc chị Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền 400.000 đồng.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.798.000 đồng và chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.798.000 đồng. Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí. Ngân hàng TMCP K đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 10.900.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009825 ngày 23/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được nhận lại.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly